

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 770/2026/DS-PT

Ngày 09-6-2026

Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và
hợp đồng thi công xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gọn – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2026/TLPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng thi công xây dựng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2026/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 376/2026/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T;

Địa chỉ: Số C, đường C, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Văn L – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền của ông L: ông Lưu Thanh S, sinh năm 1960; địa chỉ: số B, ấp B xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: là xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Theo Văn bản uỷ quyền ngày 02/5/2025)

2. Bị đơn: bà Phan Thị Kiều O, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số A, đường P, khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh.

3. Người kháng cáo: bị đơn bà Phan Thị Kiều O

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2025 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH T do ông Lưu Thanh S đại diện trình bày:

Ngày 10/8/2023, Công ty TNHH T và bà Phan Thị Kiều O có ký Hợp đồng mua bán số 85/HĐMB/2023 với nội dung: Bên Công ty cung cấp và lắp đặt cửa đi, cửa sổ nhôm Xingfa Q, cửa kính cường lực cho bà O tại địa chỉ Số A, đường P, khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh với giá trị hợp đồng là 89.944.000 đồng.

Ngày 19/10/2023, Công ty và bà O tiếp tục ký với nhau Hợp đồng thi công số 57/2023/HĐTC-TNL thực hiện thi công sàn thép, cầu thang thép, chuồng mèo, chuồng gà cho bà O cũng tại địa chỉ nêu trên với giá trị hợp đồng là 318.310.000 đồng. Tổng cộng giá trị hai hợp đồng là 408.254.000 đồng.

Công ty đã cung cấp, lắp đặt, thi công đúng theo nội dung 02 hợp đồng trên, bà O cũng có thanh toán hơn $\frac{1}{2}$ giá trị hợp đồng. Đến ngày 25/01/2025, hai bên lập biên bản xác nhận nợ còn lại số tiền 100.000.000 đồng và thống nhất xử lý công việc còn lại là: sơn lại chuồng mèo, xử lý nước tạt vào cửa sổ nhà bà O. Công ty và bà O thỏa thuận báo trước cho Công ty 01 ngày để Công ty C kỹ thuật tới xử lý nhưng cho đến nay bà O vẫn chưa sắp xếp báo cho Công ty cũng như chưa thanh toán số tiền còn lại. Phía Công ty đã nhiều lần gọi điện và cử nhân viên đến nhà bà O nhưng chưa làm việc được.

Do đó, Công ty TNHH T khởi kiện yêu cầu bà O thanh toán hết số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng.

Do bà O không có thiện chí trong việc khắc phục sửa chữa nên trong quá trình giải quyết tại tòa án, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH T đồng ý trừ số tiền 1.500.000 đồng tiền chi phí công thợ để bà O tự khắc phục sửa chữa phần thấm dột. Công ty đồng ý trừ chi phí sơn lại chuồng mèo, chuồng gà và trát lại keo chống thấm dột là 7.100.000 đồng, yêu cầu bà O trả số tiền còn lại 92.900.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Phan Thị Kiều O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều nhưng vắng mặt. Ngày 04/9/2025, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, tiến hành hoà giải bà O có ý kiến trình bày như sau:

Bà O thừa nhận ngày 10/8/2023, Công ty TNHH T và bà có ký Hợp đồng mua bán số 85/HĐMB/2023 với nội dung: Bên Công ty cung cấp và lắp đặt cửa đi, cửa sổ nhôm Xingfa Q, cửa kính cường lực với giá trị hợp đồng là 89.944.000 đồng.

Ngày 19/10/2023, Công ty và bà tiếp tục ký Hợp đồng thi công số 57/2023/HĐTC-TNL thực hiện thi công sàn thép, cầu thang thép, chuồng mèo, chuồng gà với giá trị hợp đồng là 318.310.000 đồng. Tổng cộng giá trị hai hợp đồng là 408.254.000 đồng.

Công ty đã cung cấp, lắp đặt, thi công theo nội dung 02 hợp đồng trên, nhưng trong quá trình thực hiện Hợp đồng còn một số việc chưa hoàn thiện cần phải chỉnh sửa lại như sơn lại chuồng mèo, chuồng gà theo bản vẽ là màu đen nhưng khi sơn lại không đúng màu là sơn màu xám; đối với việc xử lý nước chảy vào cửa sổ nhà bà đến nay vẫn còn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà có thanh toán cho Công ty hơn $\frac{1}{2}$ giá

trị hợp đồng, đến ngày 25/01/2025 hai bên lập biên bản xác nhận nợ, bà còn nợ lại số tiền là 100.000.000 đồng và thống nhất xử lý công việc còn lại phần chưa nghiệm thu là: sơn lại chuồng mèo, xử lý nước chảy vào cửa sổ nhà bà.

Bà và Công ty có liên lạc khắc phục phần chưa nghiệm thu, nhưng do bà có 03 cơ sở kinh doanh, không có thời gian nên chưa thống nhất được ngày để Công ty T sửa chữa. Hơn nữa, cơ sở bà làm ăn mặt tiền phía dưới kinh doanh yến, phía trên kinh doanh làm đẹp, phía sau là nuôi mèo, gà và để chứa nhiều đồ đạc trong nhà nên việc di dời đồ đạc để sửa chữa gặp nhiều khó khăn. Việc di dời để sửa chữa lại ảnh hưởng rất lớn đến việc kinh doanh của bà nên hai bên không xác định được ngày sửa chữa.

Đối với yêu cầu của Công ty T: Bà đề nghị Công ty phải sửa chữa lại phần chuồng gà, chuồng mèo theo đúng như hồ sơ bản vẽ. Khắc phục lại 03 cửa sổ, do cửa sổ làm không đều, trong đó có 01 cửa sổ bị nước chảy vào rất nhiều khi có mưa lớn, hai cửa còn lại thì khi có khi không. Hoặc bà trả lại cho Công ty những sản phẩm không hoàn chỉnh theo như bản vẽ mà không phải thanh toán tiền cho Công ty.

Toà án lập biên bản ghi đúng ý kiến của bà O đã trình bày. Bà O có xem lại biên bản, nhưng không ký tên và xin về nhà tự làm bản tự khai gửi cho Toà án vào ngày 08/9/2025 đồng thời xin dời thời gian hoà giải vào ngày khác. Tuy nhiên, bà O vẫn không thực hiện và không có thiện chí hợp tác giải quyết, vắng mặt không tham gia các buổi triệu tập của Toà.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2026/DS-ST ngày 09/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 -Tây Ninh đã căn cứ các Điều 118, 119, 430, 440 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T.

Buộc bà Phan Thị Kiều O có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH T số tiền nợ gốc 92.900.000 đồng. Ghi nhận Công ty TNHH T không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: bà Phan Thị Kiều O phải chịu 4.645.000 đồng (*bốn triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000190 ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/3/2026, bị đơn bà Phan Thị Kiều O làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn Công ty TNHH T do ông Lưu Thanh S đại diện không rút đơn khởi kiện, đồng ý với một phần yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn, trình bày thừa nhận có việc thi công màu sơn không đúng thiết kế, việc lắp đặt cửa sổ bị lỗi nước tạt vào, vì vậy đồng ý trừ lại số tiền thi công sơn là 5.600.000 đồng gồm sơn chuồng mè 4.800.000 đồng và sơn chuồng gà là 800.000 đồng, đối với các cửa sổ bị lỗi thì ông S đồng ý trừ chi phí sửa chữa bằng 50% giá trị của 3 cửa sổ là 5.000.000 đồng (10.026.000 đồng/2). Trường hợp phải hoàn trả toàn bộ giá trị của 3 cửa sổ thì phía nguyên đơn sẽ tháo dỡ các cửa sổ mang về.

Bị đơn bà Phan Thị Kiều O không rút đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án không tổng đạt hợp lệ cho bà O tham gia phiên tòa lần thứ hai vào ngày 09/02/2026; Tòa án cấp sơ thẩm chưa thẩm định công trình, khi thông báo thẩm định thời gian gấp, bà O đã có nhắn tin qua zalo đề yêu cầu hoãn ngày thẩm định nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện, bảng chiết tính của Công ty TNHH T thể hiện giá trị chi tiết các hạng mục công trình là chưa chính xác, Công ty TNHH T có giao cho bà O bảng nghiệm thu công trình như ông S trình bày, nhưng bà O không đồng ý, trường hợp hoàn trả những sản phẩm lỗi bao gồm sơn lại chuồng mè và chuồng gà, khắc phục chống thấm các cửa sổ thì phải hoàn trả nguyên giá trị khoảng 20.000.000 đồng, hoặc hoàn trả toàn bộ giá trị 3 cửa sổ cùng tiền sơn toàn bộ chuồng mè và chuồng gà và phía nguyên đơn không được tháo dỡ các cửa sổ đã thi công.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Kiều O trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Kiều O, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo sự tự nguyện của nguyên đơn, trừ 10.600.000 đồng cho bị đơn .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Kiều O được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty TNHH T và bà Phan Thị Kiều O có ký Hợp đồng mua bán số 85/HĐMB/2023 ngày 10/8/2023 về việc cung cấp, lắp đặt cửa đi, cửa sổ nhôm Xingfa Q, cửa kính cường lực với giá trị 89.944.000 đồng và Hợp đồng thi công số 57/2023/HĐTC-TNL ngày 19/10/2023 về việc thi công sàn thép, cầu thang thép, chuồng mè, chuồng gà với giá trị 318.310.000 đồng, tổng giá trị hai hợp đồng là 408.254.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà O đã thanh toán một phần tiền, đến ngày 25/01/2025 hai bên lập biên bản xác nhận nợ, thống

nhất bà O còn nợ số tiền 100.000.000 đồng và xác định một số hạng mục còn tồn tại cần tiếp tục khắc phục, sửa chữa. Do bà O chưa thanh toán số tiền còn lại nên Công ty TNHH T khởi kiện yêu cầu bà O thanh toán số tiền còn nợ. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T; buộc bà Phan Thị Kiều O thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền 92.900.000 đồng; ghi nhận Công ty TNHH T không yêu cầu tính lãi và quyết định về án phí theo quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/3/2026, bị đơn bà Phan Thị Kiều O kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Bà O cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt hợp lệ để bà O tham gia phiên tòa mở lần thứ hai ngày 09/02/2026; Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành xem xét, thẩm định công trình, khi nhận được thông báo thẩm định với thời gian gấp, bà O đã nhắn tin qua ứng dụng zalo đề nghị hoãn nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện; bảng chiết tính do Công ty TNHH T cung cấp chưa phản ánh chính xác giá trị các hạng mục; bà O không đồng ý với bảng nghiệm thu công trình và cho rằng nếu các sản phẩm thi công bị lỗi thì nguyên đơn phải hoàn trả toàn bộ giá trị tương ứng nhưng không được tháo dỡ các cửa sổ đã lắp đặt.

[3] Xét kháng cáo của bà Phan Thị Kiều O, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, bà O đã trực tiếp đến Tòa án làm việc, tham gia hòa giải và trình bày ý kiến của mình. Hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bà O cho rằng không nhận được giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai ngày 09/02/2026 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc tổng đạt không hợp lệ nên không có căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3.2] Đối với việc xem xét, thẩm định tại chỗ, bà O trình bày do thời gian thông báo gấp nên bà O có nhắn tin qua Zalo xin hoãn việc thẩm định. Như vậy, việc xem xét, thẩm định không thực hiện được không phải do Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành mà xuất phát từ việc các bên chưa thông nhất được thời gian. Do đó, đây không phải là căn cứ để hủy bản án sơ thẩm.

[3.3] Đối với nội dung bà O cho rằng bảng chiết tính của Công ty TNHH T chưa chính xác, không đồng ý với bảng nghiệm thu công trình và cho rằng các sản phẩm thi công chưa bảo đảm theo thiết kế, Hội đồng xét xử xét thấy đây là các nội dung liên quan đến việc đánh giá chứng cứ và xác định mức độ thiệt hại thực tế, không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến phải hủy án sơ thẩm theo quy định tại Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm các bên thừa nhận biết giá trị các thiết bị thi công, bà O có nhận báo giá các thiết bị này nên cũng không cần phải hủy bản án sơ thẩm để thực hiện việc thẩm định lại.

[3.4] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Công ty TNHH T và bà Phan Thị Kiều O có giao kết Hợp đồng mua bán số 85/HĐMB/2023 ngày 10/8/2023 và Hợp đồng thi công số 57/2023/HĐTC-TNL ngày 19/10/2023 với tổng giá trị là 408.254.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà O đã thanh toán phần lớn giá trị công trình, đến ngày 25/01/2025, hai bên lập biên bản xác nhận nợ,

thống nhất bà O còn nợ lại số tiền 100.000.000 đồng và xác định một số hạng mục còn tồn tại cần tiếp tục khắc phục, sửa chữa.

[3.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận đã sơn chuồng mèo và chuồng gà không đúng màu theo thiết kế được các bên thống nhất; theo thiết kế phải sơn màu đen nhưng thực tế lại sơn màu xám, đồng thời việc lắp đặt cửa sổ còn có thiếu sót dẫn đến hiện tượng nước tạt vào khi trời mưa. Nguyên đơn tự nguyện chấp nhận khấu trừ giá trị sơn lại chuồng mèo, chuồng gà với tổng số tiền 5.600.000 đồng và chấp nhận chịu một phần chi phí sửa chữa đối với 03 cửa sổ.

[3.6] Hội đồng xét xử xét thấy việc thi công 03 cửa sổ còn tồn tại khuyết điểm thuộc trách nhiệm của đơn vị thi công. Tuy nhiên, các cửa sổ đã được lắp đặt, đưa vào sử dụng, bà O vẫn đang quản lý, khai thác và sử dụng các tài sản này; mặt khác, bà O cũng không đồng ý cho tháo dỡ, hoàn trả sản phẩm nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu buộc nguyên đơn hoàn trả toàn bộ giá trị của 03 cửa sổ. Xét lỗi thuộc về đơn vị thi công trong việc thi công, xử lý chống thấm, tuy nhiên các cửa sổ vẫn bảo đảm công năng sử dụng, không phải thay thế hoàn toàn, do đó cần buộc nguyên đơn chịu phần lớn chi phí sửa chữa tương ứng 2/3 giá trị của 03 cửa sổ; theo bảng chiết tính do nguyên đơn cung cấp, tổng giá trị là 10.026.000 đồng, tương ứng số tiền 6.684.000 đồng. Cộng với số tiền sơn lại chuồng mèo và chuồng gà là 5.600.000 đồng, tổng số tiền cần khấu trừ là 12.284.000 đồng. Do đó, số tiền bà Phan Thị Kiều O còn phải thanh toán cho Công ty TNHH T sau khi trừ các chi phí chống thấm, sơn lại chuồng mèo và chuồng gà là 87.716.000 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Kiều O về việc hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, do tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận một phần sai sót trong quá trình thi công, tự nguyện chấp nhận khấu trừ chi phí khắc phục và xét thấy cần phân chia hợp lý trách nhiệm của các bên đối với phần công trình còn tồn tại nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị Kiều O, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2026/DS-ST ngày 09/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh theo hướng giảm số tiền bà O phải thanh toán cho Công ty TNHH T.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà O là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bà O phải chịu án phí trên số tiền thanh toán cho Công ty TNHH T và không phải chịu án phí phúc thẩm. Công ty TNHH T phải chịu án phí trên số tiền bị bác yêu cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Kiều O

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2026/DS-ST ngày 09/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 26, 37, 39, 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 118, 119, 430, 440 của Bộ luật dân sự; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T.

Buộc bà Phan Thị Kiều O có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền 87.716.000 đồng.

Ghi nhận Công ty TNHH T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bác phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T đối với số tiền 12.284.000 đồng.

2. Về án phí: bà Phan Thị Kiều O phải chịu 4.385.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0006682 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà O phải nộp tiếp số tiền 4.085.800 đồng.

Công ty TNHH T phải chịu 614.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm do bị bác yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000190 ngày 08/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Công ty TNHH T được hoàn trả lại số tiền 1.885.800 đồng.

3. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 10 – Tây Ninh
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga

